TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH LIÊM** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 9 - 2022.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Trần Văn Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mai;

2. Bà Lê Thị Hà;

- Thư ký phiên toà: bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: ông Vũ Đình Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 12 ngày 9 tháng 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Đ Đ - sinh năm 1994;

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1993;

Cùng nơi cư trú: thôn B L, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa: chị Đ có mặt, anh T vắng lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2022 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ Đ trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm ngày 09/01/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hòa thuận ngay từ đầu, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ đó cho đến nay khiến cho tình cảm vợ chồng phai nhạt, cuộc sống chung không có hạnh phúc.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay. Chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, khả năng đoàn tụ không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Nguyệt H - sinh ngày 08/10/2013 và cháu Nguyễn Hoàng N - sinh ngày 15/6/2017. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Thị Nguyệt H và giao cháu Nguyễn Hoàng N cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Vợ chồng không có gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu gì khác.

* *Về phía bị đơn Nguyễn Văn T:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh T biết và nhiều lần triệu tập, thông báo cho anh T đến Tòa án để viết bản tự khai, tham gia các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Mặc dù Tòa án đã cử cán bộ và nhờ chính quyền xã Thanh Nghị xuống gia đình anh T để làm việc, tống đạt các văn bản; nhưng anh T vẫn không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể yêu cầu anh T làm bản tự khai hoặc tiến hành lấy lời khai đối với anh T và tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tòa án đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ anh Nguyễn Văn T là bà Nguyễn Thị H, bà H trình bày: chị Nguyễn Thị Đ Đ và anh Nguyễn Văn T vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị về chung sống cùng với gia đình bà được một thời gian thì giữa anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị một phần do vợ chồng không hợp, mặt khác do anh T cũng chơi bời. Gia đình bà cũng đã động viên khuyên giải cho vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chỉ được một năm sau đó vợ chồng anh chị lại phát sinh mâu thuẫn và chị Đ Đ đã bỏ đi khỏi nhà từ năm 2020, vợ chồng sống ly thân từ đó cho tới nay. Nay chị Đ có đơn xin ly hôn với anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Nguyệt H - sinh ngày 08/10/2013 và cháu Nguyễn Hoàng N - sinh ngày 15/6/2017, từ khi anh chị sống ly thân thì các cháu ở cùng với bà và anh T, anh T có đưa tiền cho bà để nuôi dưỡng các cháu. Nếu anh chị ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án anh T và gia đình bà đã nhận được các thông báo,

Giấy triệu tập của Tòa án nhưng do điều kiện công việc, nên anh T không đến Tòa án để làm việc được.

** Xác minh tại chính quyền địa phương xác định:* chị Nguyễn Thị Đ Đ và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau năm 2013, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm ngày 09/01/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T ở thôn B L, xã T N. Quá trình chung sống vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống; dẫn đến việc chị Đ có đơn xin ly hôn với anh T. Sau khi nhận được đơn xin ly hôn của chị Đ, chính quyền địa phương đã tổ chức hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Thụy vắng mặt không có lý do, về phía chị Đình vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn vì vậy việc hòa giải không có kết quả. Đến nay, chị Đ có đơn xin ly hôn với anh T tại Tòa án, quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dậy con chung. Trường hợp anh chị đều kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh, chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Nguyệt H - sinh ngày 08/10/2013 và cháu Nguyễn Hoàng N - sinh ngày 15/6/2017. Nếu Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện của các bên cũng như nguyện vọng của các cháu để giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh, chị không có tài sản chung.

- Về công nợ: Tại địa phương anh, chị không có nợ tập thể, còn có nợ cá nhân nào không thì địa phương không rõ.

- Về ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu gì, nên địa phương cũng không có ý kiến gì.

* Tại phiên tòa: chị Đ vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bầy và bổ sung anh chị không có con nuôi, con riêng, hiện tại chị cũng không có thai nghén gì.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81,82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ Đ. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ Đ và anh Nguyễn Văn T. Về con

chung: Giao cháu Nguyễn Thị Nguyệt H cho chị Nguyễn Thị Đ Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hoàng N cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào, các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về án phí ly hôn sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Đ Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ Đ có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là anh Nguyễn Văn T hiện đang có HKTT và cư trú tại xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thanh Liêm.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định phiên tòa vẫn được tiến hành xét xử theo thủ tục chung mặc dù có sự vắng mặt của bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ Đ và anh Nguyễn Văn T kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 09/01/2013 tại UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, nên đây là hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận được một thời gian thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Sau đó chị Đ đã bỏ đi khỏi nhà anh T, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay, cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh T đã thực sự trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử xử cho ly hôn giữa chị Đ và anh T là phù hợp với pháp luật và thực tế.

[3] Về con chung: Anh, chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Nguyệt H - sinh ngày 08/10/2013 và cháu Nguyễn Hoàng N - sinh ngày 15/6/2017. Khi Ly hôn, chị Nguyễn Thị Đ Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Nguyệt H, giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng N. Bản thân cháu Nguyễn Thị Nguyệt H có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng của chị Nguyễn Thị Đ Đ là chính đáng và phù hợp với pháp luật, cũng như điều kiện của các bên. Vì vậy, nên giao cháu Nguyễn Thị Nguyệt H cho chị Nguyễn Thị Đ Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hoàng N cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các

cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: do chị Đ không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về con nuôi, con riêng: vợ chồng không có hiện nay chị Đ không mang thai.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị Nguyễn Thị Đ Đ xác định vợ chồng không có và không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị Đ Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ Đ.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ Đ và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Nguyệt H sinh ngày 08/10/2013 cho chị Nguyễn Thị Đ Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hoàng N sinh ngày 15/6/2017 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ Đ phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số 0001203 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Cảnh